

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày 01 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Đỗ Viết Hoan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024,

Đối với bị cáo: **Lê Đình T**, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1981 tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Q và bà Trịnh Thị N; Có vợ là Lê Thị S và 03 con;

Tiền án: Ngày 27/5/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Hiện tại bị cáo đang chấp hành án treo).

Tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 16/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” (đã chấp hành xong).

Bị bắt tạm giam ngày 03/4/2024, đến ngày 28/5/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; Có mặt.

- *Bị hại*: Lê Thị D, sinh năm 1977, Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (đã chết ngày 24/10/2023).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị D*:

1. Lê Bá K, sinh năm 1951; Vắng mặt.

2. Trịnh Thị N, sinh năm 1951; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Lê Huy A, sinh năm 1998; Vắng mặt.

4. Lê Huy T1, sinh năm 2000; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà (gồm: Lê Bá K, Trịnh Thị N, Lê Huy A): Anh Lê Huy T1, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Lê Thị S, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Lê Huy T2, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Lê Huy H, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Lê Huy T3, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 24/10/2023, Lê Đình T (sinh năm 1981) và vợ là Lê Thị S (sinh năm 1984) thuê bà Lê Thị D (sinh năm 1977), trú tại thôn T, xã X, huyện T cùng đi khai thác cát trái phép tại bãi bồi sông C thuộc thôn T, xã X, huyện T. Khu vực này do khai thác cát đã tạo thành một hố lớn dạng lòng chảo, có bờ vách cao khoảng 7,5m. T và bà D khai thác ở khu vực chân hố cát còn S có nhiệm vụ canh gác ở trên đường. T điều khiển máy xúc lật nhãn hiệu HJ928B xúc cát còn bà D dùng xẻng lấy đất, cỏ lẫn trong cát ra. Sau đó, T điều khiển máy xúc mang cát ra bãi tập kết cách vị trí khai thác khoảng 600m rồi tiếp tục quay lại lấy cát. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi chở chuyển cát ra bãi tập kết và quay về nơi khai thác cát. T phát hiện khu vực đó đã bị sạt lở đất, cát từ trên bề mặt xuống chân hố cát. T quan sát không thấy bà D đâu, gọi điện thoại cũng không

thấy nên nghi ngờ bà D đã bị cát sạt lở vùi lấp nên gọi S xuống tìm kiếm. T dùng máy xúc để xúc cát sạt lở xuống tìm kiếm bà D nhưng gầu máy xúc đã tác động vào người bà D. T dừng lại cùng vợ xuống kiểm tra thấy bà D đã chết nên điều khiển máy xúc về nhà và đến Công an xã X trình báo vụ việc.

Quá trình khám nghiệm hiện trường phát hiện tử thi bà Lê Thị D trong tư thế nằm sấp, úp mặt xuống cát, phần nửa thân người dưới bị vùi trong cát. Tử thi bà D mặc áo karo màu hồng, quần dài màu đen, chân đi ủng. Cách vị trí tử thi bà D 04 mét về hướng Bắc (chéch hướng T) là đồng cát có kích thước (2,5 x 0,8 x 0,7) m, cách vị trí đồng cát 1,8m về hướng nam có 01 cái xẻng.

Ngày 25/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T tiến hành giám định pháp y tử thi bà Lê Thị D và giám định dấu vết cơ học trên máy xúc của Lê Đình T.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 4099/KLGĐTT-09 ngày 10/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Kết quả khám nghiệm:

+ Các vết rách da, xây xước da, bầm tụ máu tại vùng đầu, mặt, ngực.

+ Dập, tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng trán thái dương trái, đỉnh chẩm hai bên và một phần cơ thái dương trái.

+ Tụ máu màng mềm.

+ Tụ máu tổ chức dưới da, cơ vùng ngực hai bên, tụ máu mặt sau xương ức và trung thất trước.

+ Gãy 1/3 giữa thân xương ức. Gãy cung trước, cung bên xương sườn 2,3,4,5,6,7,8 bên trái.

+ Máu không đông tại khoang ngực trái, khoang ngoài tim và ổ bụng.

+ Tụ máu diện rộng tổ chức phổi trái.

+ Trong lòng thanh khí phế quản không có dị vật.

+ Vỡ tâm nhĩ phải. Tụ máu cơ tim tâm thất trái.

+ Vỡ gan.

+ Dạ dày có nhiều thức ăn đang nhuyễn.

+ Trong buồng tử cung không có thai.

+ Các bộ phận khác không phát hiện thấy tổn thương.

+ Kết quả xét nghiệm, giám định khác: Không

+ Kết quả khác: Không.

- **Kết luận:**

+ Kết luận nguyên nhân chết: Đa chấn thương.

+ Kết luận khác: Không.

Tại Văn bản số 100/PC09, ngày 29/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T về việc giải thích kết luận giám định, kết luận:

- Các vết rách da, cơ, xây xước da, bầm tụ máu tại vùng: Đầu, mặt và ngực do vật tày tác động gây nên.

- Các tổn thương vùng đầu, mặt và vùng ngực là nguyên nhân gây nên cái chết của nạn nhân.

- Với tác động của cát sạt lở tại hiện trường (căn cứ bản ảnh hiện trường) không thể gây nên những vết thương trên và không gây nên cái chết của nạn nhân.

Tại Kết luận giám định số 4100/KL-PC09, ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T đối với máy xúc lật nhãn hiệu HJ928B của Lê Đình T, kết luận:

- Dấu vết tỳ trượt tại mặt ngoài trong phần trước bên trái gầu máy xúc lật nhãn hiệu HJ928B phù hợp và chạm với người bà Lê Thị D tạo nên.

- Không đủ cơ sở xác định chiều hướng của máy xúc lật nhãn hiệu HJ928B khi va chạm vào bà Lê Thị D.

Ngày 26/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ C1 tiến hành giám định ADN, so sánh mẫu máu của bà Lê Thị D với mẫu chất màu nâu đỏ bám dính cát thu tại gầu máy xúc của Lê Đình T. Tại kết luận giám định số 7971/KL-KTHS ngày 30/11/2023 của V Bộ C1 kết luận:

- Chất màu nâu đỏ thu tại gầu máy xúc gửi giám định là máu của bà Lê Thị D.

- Lưu kiểu gen (ADN) của bà Lưu Thị D1 tại V Bộ C1.

Ngày 31/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trưng cầu Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất phân tích giám định - Cục Đ tiến hành giám định đối với các mẫu cát đã thu giữ tại khu vực Thảo khai thác, trên gầu máy xúc của T và tại vị trí T tập kết (tổng 11,55 m³ cát). Tại Kết luận giám định, số PTGD/33-2023, ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất phân tích giám định - Cục Đ đối với 03 mẫu cát, kết luận:

- Mẫu giám định là khoáng sản.

- Khoáng sản là C dùng làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Cả 03 mẫu vật có thành phần hóa học tương đồng nhau. Không xác định được các mẫu có lấy cùng vị trí không.

Về phần dân sự: Lê Đình T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại Lê Thị D số tiền 145.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị D không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lê Đình T.

Đối với việc Lê Đình T cùng Lê Thị S có hành vi khai thác cát trái phép đã vi phạm quy định tại Điều 47, Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày

06/01/2022). Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính theo quy định (kèm theo vật chứng bị tạm giữ là máy xúc, xẻng, cát).

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSTX ngày 12/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Đình T về tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đình T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về phần dân sự: Bị cáo xác định đã nhờ gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại Lê Thị D được số tiền 145.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị D trình bày: Xác nhận việc gia đình bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại Lê Thị D được số tiền là 145.000.000 đồng. Nay người đại diện hợp pháp của bị hại, có ý kiến không yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm về phần dân sự. Về hình sự: Có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, đề nghị cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 128; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 18 tháng đến 20 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù (cho hưởng án treo) về tội “đánh bạc” tại bản án hình sự số 95/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và gia đình người bị hại Lê Thị D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, nên không xem xét.

Về vật chứng: Đã chuyển cho Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính theo quy định, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đình T phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp, để sớm trở về hòa nhập xã hội và có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và

xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đình T tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y tử thi, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tối ngày ngày 24/10/2023, Lê Đình T, cùng vợ là Lê Thị S thuê bà Lê Thị D, sinh năm 1977, nơi ĐKKHKT: thôn T, xã X, huyện T cùng đi khai thác cát trái phép tại bãi bồi sông C thuộc thôn T, xã X, huyện T. Khu vực này do khai thác cát đã tạo thành một hồ lớn dạng lòng chảo, có bờ vách cao khoảng 7,5m. T và bà D khai thác cát ở khu vực chân hồ cát, T điều khiển máy xúc lật nhãn hiệu HJ928B xúc cát còn bà D dùng xẻng lấy đất, cỏ lẫn trong cát ra. Sau đó, T điều khiển máy xúc mang cát ra bãi tập kết cách vị trí khai thác khoảng 600m rồi tiếp tục quay lại lấy cát. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi chở chuyển cát ra bãi tập kết và quay về nơi khai thác cát. T phát hiện khu vực đó đã bị sạt lở đất, cát từ trên bề mặt xuống chân hồ cát. T quan sát không thấy bà D đâu, gọi điện thoại cũng không thấy nghe máy, nên nghi ngờ bà D đã bị cát sạt lở vùi lấp, nên gọi S xuống cùng tìm kiếm. T dùng máy xúc để xúc cát sạt lở xuống, với mục đích để tìm kiếm bà D, nhưng T đã để cho gầu máy xúc va chạm, tác động vào người bà D, hậu quả làm bà D chết tại chỗ.

Hành vi của Lê Đình T điều khiển máy xúc đào cát tìm kiếm bà Lê Thị D bị cát vùi lấp, đã để cho gầu máy xúc va chạm, tác động vào người bà D, gây hậu quả làm chết bà D. Hành vi của T thể hiện sự căm thù, T đã không lường trước được hậu quả của việc sử dụng máy xúc đào cát tìm kiếm, sẽ làm chết bà D; Việc T không thấy trước hậu quả đó hoàn toàn là do chủ quan của T đã không có sự thận trọng cần thiết. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Đình T đã phạm vào tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác, mặc dù là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, tuy nhiên đã gây hậu quả làm chết người, do đó cần phải có một mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Đình T đã 02 lần bị Tòa án kết án, cụ thể: Vào ngày 16/3/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội

“Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” (đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích); đối với hành vi vào ngày 27/5/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “đánh bạc” tại bản án số 95/2021/HSST, là bị cáo T chưa được xóa án tích, nên phải chịu 01 tiền án. Tuy nhiên, do lần phạm tội này, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, nên không bị coi là “tái phạm”, do đó bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động nhờ gia đình bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại D được số tiền là 145.000.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa có ý kiến đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất; Ngoài ra bị cáo T có bố đẻ là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều kỷ niệm chương và huy hiệu chiến sỹ trường sơn, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bị cáo T đang có án tích, lại có hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở phần trên, nên xét chỉ cần xử phạt bị cáo T ở mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giam sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đang được tại ngoại, nên thời hạn tù đối với bị cáo sẽ được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại D số tiền là 145.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên không xem xét.

[7] Về tình tiết liên quan vụ án: Đối với việc Lê Đình T cùng Lê Thị S có hành vi khai thác cát trái phép đã vi phạm quy định tại Điều 47, Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022). Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính theo quy định (kèm theo vật chứng bị tạm giữ là máy xúc, xẻng, cát), là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 128; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 56; khoản 5 Điều 65** Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; **khoản 1** Điều 292; **khoản 1 Điều 293**; khoản **1** Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Vô ý làm chết người”. Tổng hợp với 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo Lê Đình T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam của hai bản án (từ ngày 08/10/2020 đến ngày 17/10/2020 và từ ngày 03/4/2024 đến ngày 28/5/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến

